TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-ST.
Ngày 07-02-2018.
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Thành Đông.

- Ông Trần Văn Dá.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2017/TLST-DS, ngày 08 tháng 08 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX-ST ngày 10/01/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn VHĐ

Địa chỉ: Ấp A, xã TT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Quốc T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp A, xã TT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T (Nguyễn Hoàng T), sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã TT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã TT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã TT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 07 năm 2017 của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn VHĐ cũng như tại phiên toà sơ thẩm, đại diện ủy quyền nguyên đơn Ông Nguyễn Văn U trình bày:

Nguyên từ năm 2011 đến năm 2014 ông Nguyễn Văn T có đến Công ty trách nhiệm hữu hạn VHĐ (sau đây gọi tắt là Công ty VHĐ) để mua vật tư nông nghiệp, khi đó có bà Nguyễn Thị N là người đại diện của Công ty đứng ra giao dịch mua bán với ông T , thoả thuận mua vật tư nông nghiệp nợ phải thanh toán trong thời hạn 3,5 tháng, nếu không thanh toán sẽ tính lãi 3%/tháng, hai bên không làm giấy tờ mua bán, trong quá trình mua bán ông T nợ Công ty ngày 11/3/2013 số tiền 4.000.000 đồng; ngày 24/3/2013 nợ 4.000.000 đồng; ngày 13/6/2013 nợ 31.050.000 đồng, tính lãi đến ngày 13/5/2014 số tiền lãi là 13.780.000 đồng, ông T mua nợ tiếp là 8.575.000 đồng và ông T ký giấy nợ số tiền 61.390.000 đồng (trong đó nợ gốc là 47.610.000; lãi là 13.780.000 đồng). Cùng ngày 13/5/2014 ông T tiếp tục mua vật tư nông nghiệp số tiền 6.135.000 đồng nhưng hai bên không có ký nhận nợ, tổng cộng ông T nợ là 67.525.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ mua vật tư nông nghiệp vốn gốc là 47.610.000 đồng, yêu cầu tính lãi như sau:

Từ ngày 13/6/2013 đến ngày 13/5/2014: số tiền 31.050.000 đồng X 11 tháng X 0,75% = 2.561.600 đồng.

Từ ngày 01/9/2014 đến ngày 07/02/2018: số tiền 47.610.000 đồng X 41 tháng 06 ngày = 14.711.500 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là 17.273.100 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T : Không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim T: Không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày ý kiến:

Bà thống nhất với lời trình bày của đại diện ủy quyền nguyên đơn, năm 2013, 2014 bà là người đại diện theo pháp luật của Công ty VHĐ, ông T có mua nợ vật tư nông Nghiệp của Công ty như đại diện nguyên đơn vừa trình bày, bà trực tiếp giao dịch mua bán và cho ông T ký biên nhận nợ. Nay bà đã chuyển Công ty cho con bà là ông Võ Quốc T làm người đại diện của Công ty và số nợ trên yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho Công ty VHĐ theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại Tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Toà án tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên hoà giải và công khai tài liệu chứng cứ, triệu tập tham gia phiên toà nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim T đều từ chối nhận văn bản tố tụng của Toà án, nhận thấy đây là phiên toà lần thứ hai, đương sự đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T và bà T.

[2] Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 7 năm 2017 nguyên đơn yêu cầu buộc ông T trả tiền nợ mua vật tư nông nghiệp là 67.525.000 đồng. Tại phiên Tòa, nguyên đơn có thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bị đơn ông T trả số tiền nợ vật tư nông nghiệp vốn gốc 47.610.000 đồng, ngoài ra yêu cầu trả tiền lãi do không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ là 17.273.100 đồng. Xét thấy việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như trên của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về Nội dung: Công ty VHĐ trình bày vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Kim T có mua vật tư nông nghiệp của Công ty và nợ vốn gốc 47.610.000 đồng, ông T có ký giấy nhận nợ ngày 13/5/2014 hẹn vụ lúa hè thu năm 2014 trả nhưng đến nay chưa thanh toán. Ông T và bà T không có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Kết luận giám định số 424/PC54-GĐ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận chữ ký và chữ viết trên giấy ký nhận nợ do Công ty VHĐ xuất trình so với chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Văn T trên các mẫu so sánh là cùng một người ký và viết ra. Như vậy có căn cứ kết luận ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Kim T nợ tiền vật tư nông nghiệp theo lời trình bày của nguyên đơn là sự thật. Ông T, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền đúng thời điểm đã thoả thuận như trên, căn cứ Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định bên mua phải có nghĩa vụ trả tiền vào thời điểm đã thoả thuận, ông T và bà T đã vi phạm giao kết trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy tại giấy nhận nợ ngày 13/5/2014 ông T ký nhận nợ có thể hiện mức lãi suất thoả thuận giữa các bên là 3%, do vậy nguyên đơn trình bày việc mua bán giữa hai bên có thoả thuận lãi suất nếu vi phạm nghĩa vụ thanh toán là có căn cứ. Tại phiên toà mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu 9%/năm và yêu cầu thời gian tính lãi như trên là phù hợp theo quy định tại Điều 305 Bộ luật dân sự 2005, phù hợp với thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Kim T phải chịu 5% số tiền có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và phải chịu chi phí giám định theo quy định tại khoản 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428, Điều 438, Điều 305 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Kim T có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty TNHH V H Đ tổng số tiền 64.883.100 đồng (sáu mươi bốn triệu tám trăm tám mươi ba ngàn một trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án không chịu thi hành trả số tiền nêu trên cho người được thi hành án thì người có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi chậm trả bằng 50% mức lãi suất giới hạn của pháp luật quy định về lãi suất vay tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định:

Áp dụng khoản 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Kim Tphải nộp 3.000.000 đồng. Sau khi ông T , bà T nộp được hoàn trả cho Công ty VHĐ do Công ty đã nộp tạm ứng trước, ngoài ra Công ty VHĐ được nhận lại tiền tạm ứng chi phí giám định còn thừa 1.500.000 đồng tại Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Kim T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.244.000 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty TNHH VHĐ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.688.125 đồng theo biên lai thu số 0008028 ngày 04/2/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng .

Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trịnh Thị Bích Phượng